

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 3 - 2021

V/v tranh chấp xin ly hôn và
giải quyết việc nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Gái

2. Ông Võ Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp V, xã S, huyện H, tỉnh K (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Tr, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp V, xã S, huyện H, tỉnh K (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T trình bày: Bà và ông Tr tự nguyện đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình chấp thuận cho tổ chức đám cưới vào năm 2009 và ông bà đăng ký kết hôn vào ngày 15/01/2009 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh K. Trong quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung là cháu Lương Đặng Thu Thủy, sinh ngày 03/12/2009 và cháu Lương Đặng Phương Anh, sinh ngày 19/10/2018. Thời gian vài năm đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng kể từ khi bà T sinh con nhỏ được vài tháng thì giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà nhận thấy nếu tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tr. Về con chung, hiện nay các con đang sống cùng

với bà T và có cuộc sống yên ổn nên bà yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con. Bà làm nghề giáo viên, thu nhập trung bình mỗi tháng 7.000.000 đồng, mỗi tuần bà chỉ đứng lớp 07 buổi, thời gian còn lại bà có thể chăm sóc con cái. Về tài sản chung, bà và ông Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, ông bà không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Tr trình bày: Ông thừa nhận nội dung nguyên đơn trình bày về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Ông cho rằng hôn nhân giữa ông với bà T không hạnh phúc, tuy nhiên ông còn thương vợ nên không muốn ly hôn. Trường hợp bà T kiên quyết ly hôn thì ông thống nhất theo yêu cầu của bà, nhưng ông yêu cầu được nuôi con nhỏ là cháu Lương Đăng Phương Anh và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, ông Tr đang làm công nhân, thu nhập trung bình 7.000.000 đồng/tháng. Nếu được xem xét cho nuôi con thì ông Tr sẽ gửi con nhờ người thân chăm sóc. Ông Tr đồng ý giao cháu Lương Đăng Thu Thủy cho bà T nuôi dưỡng và ông không phải cấp dưỡng nuôi cháu Thủy. Về tài sản chung và nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Tr chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh K ngày 15/01/2009, đó đó hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù thời gian đầu bà và ông Tr chung sống hạnh phúc, hòa thuận và thương yêu nhau, nhưng kể từ năm 2019, tình cảm vợ chồng bắt đầu rạn nứt, nguyên nhân do bà T và ông Tr bất đồng quan điểm sống, thiếu sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, khiến cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, bà T và ông Tr sống ly thân hai năm nay, bà T không còn tình cảm với ông Tr và yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cho bà T ly hôn với ông Tr theo quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về yêu cầu nuôi con chung: Bà T và ông Tr đều có thu nhập ổn định (trung bình 7.000.000 đồng/tháng), có điều kiện chăm lo về vật chất cho các con, tuy nhiên bà T làm nghề giáo viên, mỗi tuần chỉ đứng lớp 07 buổi nên có thời gian và điều kiện chăm sóc, nuôi dạy các con tốt hơn ông Tr, cháu Lương Đăng Thu Thủy có nguyện vọng muốn ở với mẹ, ông Tr tuy muốn nuôi cháu Lương Đăng Phương Anh nhưng cháu Anh dưới 36 tháng tuổi rất cần tình yêu thương, chăm sóc của mẹ ruột, nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 và khoản 3, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình xét nên giao hai con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Tr được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Tr trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà T yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56 và khoản 2 và khoản 3, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà T ly hôn với ông Tr.
2. Về nuôi con chung: Giao hai con là cháu Lương Đăng Thu Thủy, sinh ngày 03/12/2009 và cháu Lương Đăng Phương Anh, sinh ngày 19/10/2018 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Thủy và cháu Anh đủ 18 tuổi. ông Tr không phải cấp dưỡng nuôi con. ông Tr được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Tr trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông Tr không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà T đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001509 ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh K.
5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tuyết Mai